TAND HUYỆN LN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST
Ngày 07-10-2019
V/v ly hôn giữa chị M và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Minh Hải
Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LN tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 368/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 26 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 26/4/2019 cùng các lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày như sau: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B năm 1993. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang nhưng do lâu ngày nên vợ chồng chị không còn giữ được giấy đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh B ở thôn ĐT, xã TD, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 1996 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh B chơi bời không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình vợ chồng thường xuyên bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2002 chị đi xuất khẩu lao động vợ chồng chị sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị

Nguyễn Thị M tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại B bản lấy lời khai ngày 23/7/2019 và các lời khai tiếp theo bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị M năm 1993. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh ở thôn ĐT, xã TD, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2002 chị M đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, thỉnh thoảng chị M có gọi điện về gia đình, nhưng không về chung sống cùng anh vợ chồng sống ly thân từ năm 2002 đến nay và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng không còn liên lạc từ năm 2016. Nay chị M làm đơn xin ly hôn với anh, phía anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân còn đạt được anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị M kiên quyết xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn B trình bày trong thời gian chung sống khi chị M đi xuất khẩu lao động anh có công sức ở nhà chăm sóc nuôi dạy các con, nay ly hôn anh yêu cầu chị M trả cho anh số tiền là 01 tỷ đồng tiền trích chia công sức. Tuy nhiên anh đã được Tòa án thông báo ấn định nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật nhưng anh không có tiền nộp cho Tòa án để giải quyết yêu cầu trích chia công sức của vợ chồng do vậy anh xin rút yêu cầu về phần đề nghị chia công sức trong vụ án này mà khi nào có điều kiện anh sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giả quyết trong một vụ kiện khác.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự chấp hành tương đối nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M kết hôn với anh Nguyễn Văn B năm 1993 trên cơ sở tự nguyện hợp pháp anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh B ở thôn ĐT, xã TD, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 1996 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do anh B chơi bời không quan tâm và không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng xảy ra bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Đến năm 2002 chị M đi xuất khẩu lao động vợ chồng anh chị cũng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó. Qua kết quả xác minh với chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân xã TD xác nhận vợ chồng anh chị đã sống ly thân không còn quan hệ tình cảm và kinh tế từ khi chị M đi xuất khẩu lao động vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị M, anh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[3] *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo B lai số AA/2017/0004133 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo B lai số AA/2017/0004133 ngày 08/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./

Nơi nhận:
TAND tỉnh Bắc Giang;
VKSND tỉnh Bắc Giang;
VKSND huyện LN;
Chi cục THADS huyện LN;
Các đương sự;
UBND xã TD;
Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Hoa